

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của quốc gia, Bộ, ngành trung ương và địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công bao gồm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước (sau đây gọi chung là Bộ, ngành trung ương).

3. Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công là đơn vị có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao quản lý đầu tư công của Bộ, ngành trung ương được giao kế hoạch đầu tư công; Sở Kế hoạch và Đầu tư; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

5. Cơ quan, tổ chức khác quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá thực hiện, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 3. Các nguồn vốn đầu tư công

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách trung ương cho Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

2. Vốn đầu tư nguồn công trái quốc gia là khoản vốn do Nhà nước vay trực tiếp của người dân bằng một chứng chỉ có kỳ hạn để đầu tư cho các mục tiêu phát triển của đất nước.

3. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ là khoản vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành để thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng trong phạm vi cả nước.

4. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu chính quyền địa phương là khoản vốn trái phiếu có kỳ hạn từ 01 năm trở lên, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành hoặc ủy quyền phát hành để đầu tư một số dự án quan trọng của địa phương.

5. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, gồm: vốn viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ hoặc liên quốc gia.

6. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là các khoản vốn do Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để đầu tư các dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách xã hội.

7. Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, gồm:

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết đến trước thời điểm Luật ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015 có hiệu lực;

b) Khoản phí, lệ phí được để lại đầu tư của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

c) Tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà từ hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC), lợi nhuận được chia từ liên doanh dầu khí và tiền độc tài liệu dầu khí;

d) Nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập để lại cho đầu tư;

đ) Vốn đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được thu lại hoặc trích lại để đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

e) Nguồn thu của tổ chức tài chính, bảo hiểm xã hội được trích lại để đầu tư dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

g) Nguồn thu từ chuyển mục đích, chuyển quyền sử dụng đất của Bộ, ngành trung ương và địa phương chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước để đầu tư dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

8. Khoản vốn vay của chính quyền cấp tỉnh được hoàn trả bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và thu hồi vốn từ các dự án đầu tư bằng các khoản vốn vay này, bao gồm:

a) Khoản huy động vốn trong nước của chính quyền cấp tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vay từ nguồn vốn nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước và huy động từ các nguồn vốn vay trong nước khác để đầu tư kết cấu hạ tầng;

b) Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do Chính phủ cho vay lại.

Điều 4. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

1. Các căn cứ quy định tại Điều 50 của Luật Đầu tư công.

2. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

3. Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

4. Các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 5. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

1. Các nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Luật Đầu tư công.

2. Danh mục dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo biểu mẫu hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung chi tiết danh mục dự án phát sinh chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho chương trình, dự án

1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 54 của Luật Đầu tư công.

2. Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho các dự án do cấp mình quản lý đề:

- a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;
- b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

3. Việc bố trí vốn kế hoạch cho chương trình, dự án khởi công mới theo quy định tại khoản 1 Điều này và các nguyên tắc sau đây:

- a) Chương trình, dự án có đủ điều kiện được bố trí vốn kế hoạch theo quy định tại Điều 10 và Điều 27 của Nghị định này;
- b) Sau khi đã bố trí vốn hoàn trả các khoản ứng trước vốn đầu tư công (nếu có).

Điều 7. Vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 54 của Luật Đầu tư công

1. Mức vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được thực hiện như sau:

- a) Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của Quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quy định mức vốn dự phòng theo từng nguồn vốn.
- b) Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của bộ, ngành trung ương và địa phương, mức vốn dự phòng là 10% trên tổng mức vốn kế hoạch trung hạn theo từng nguồn vốn.

2. Số vốn dự phòng để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn, được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Xử lý trượt giá sau khi đã sử dụng hết số vốn dự phòng trong tổng mức đầu tư được duyệt của từng dự án theo quy định của pháp luật;
- b) Bổ sung đầu tư dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh; đối ứng cho chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn;
- c) Vấn đề cấp bách khác phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 8. Nguyên tắc theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công

1. Nguyên tắc theo dõi kế hoạch đầu tư công:

- a) Theo dõi, cập nhật có hệ thống các thông tin, số liệu liên quan đến việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, gồm cả việc theo dõi chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt;
- b) Bảo đảm phản ánh chính xác, đầy đủ và trung thực các thông tin, số liệu và tình hình, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.

2. Nguyên tắc đánh giá kế hoạch đầu tư công:

- a) Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội theo mục tiêu đề ra trong quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư của chương trình, dự án;

c) Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình trong đánh giá kế hoạch đầu tư công;

d) Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cộng đồng dân cư trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Điều 9. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công

1. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 của Luật Đầu tư công.

2. Bộ, ngành trung ương và địa phương bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí thường xuyên trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

**LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ HÀNG NĂM**

Mục 1

**LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN**

Điều 10. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án khởi công mới, ngoài việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này, phải bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn hoàn thành dự án theo thời gian quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

Điều 11. Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

Vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư công.